TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HS-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Triển

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2024/TLST - HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Lê Đức C,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 30/10/1996; Trú tại: Xóm M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hải V, sinh năm 1970 và bà Trần Thị H, sinh năm 1976; Vợ: Nguyễn Khánh H1, sinh năm 1999; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 01/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh V, đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Minh P**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 30/11/1999; Trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn P1, sinh năm 1971 và bà Lữ Thị H2, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 22/6/2015 bị Công an huyện V xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích theo quyết định số 90/QĐ-XPVPHC, đến nay đã được xóa tiền sự.

Bị bắt tạm giữ ngày 01/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện V (có mặt tại phiên tòa).

3. **Lương Hồng Q**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 09/5/1998; Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Hồng Á, sinh năm 1975 và bà Lê Thị H3, sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 01/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh V (có mặt tại phiên tòa).

4. **Cao Văn V1**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 03/02/1998; Trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn S, sinh năm 1961 và bà Lữ Thị T, sinh năm 1961; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 01/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh V (có mặt tại phiên tòa).

5. **Sùng Thị S1**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/3/2005; Trú tại: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sùn A, sinh năm 1965 và bà Ly Thị C1, sinh năm 1967; Chồng: Chưa có; Con: có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 01/01/2024, đến ngày 10/01/2024 được tại ngoại, (có mặt tại phiên tòa).

6. **Trần Thế A**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 05/9/1992; Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H4, sinh năm 1966 và bà Hà Thị X, sinh năm 1963; Vợ: Đinh Thị Thanh T1, sinh năm 1990 (đã ly hôn); Con: Có 03 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 01/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh V, (có mặt tại phiên tòa).

* ***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Chị Đào Thị Tuyết M, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt);

2. Cháu Vàng Thị T2, sinh ngày 27/5/2007; Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai, (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp cho cháu Vàng Thị T2: Anh Vàng A T3 sinh năm 1978 (bố đẻ cháu T2); Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 31/12/2023, Trần Minh P sinh năm 1999 cùng Lê Chí C2 sinh năm 1996; Cao Văn V1 sinh năm 1998 và Lương Văn P2, sinh năm 1997 đều ở xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cùng nhau đi uống rượu tại đám cưới của một người bạn ở xã T. Khi uống rượu xong, cả nhóm nảy sinh ý định muốn đi hát karaoke nên đến quán K để đặt phòng hát. Khi cả nhóm đến khu vực quán thì Lê Đức C sinh năm 1996 ở xã T, huyện V đang uống bia tại quán B ở thôn C, xã T sử dụng tài khoản Zalo có tên "Đức Chính", được cài đặt sẵn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A3s màu đỏ, bên trong lắp sim thuê bao 0971.148.138 liên hệ với tài khoản Zalo có tên "Duy A1" được cài đặt sẵn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi loại K40, màu đen đã cũ bên trong lắp 02 sim thuê bao 0965.868.363 và 0976.155.596 của C2 để nói chuyện thì C2 rủ C đi hát karaoke cùng, C đồng ý. Sau đó, C2 đã nhờ P2 đi đến quán B đón C đến quán K để hát, còn V1 và P đứng trong sảnh lễ tân của quán, V1 là người đặt phòng để hát. Một lúc sau, P2 đưa C đến quán hát gặp C2 và đứng nói chuyện ở vỉa hè trước cửa quán hát, rồi C sử dụng tài khoản ngân hàng V3 của mình có số tài khoản 108872913263 chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V3 của C2 số tiền 2.000.000đ, trong đó 1.000.000đ là tiền Chính trả nợ C2 và 1.000.000đ là tiền C góp trước để trả tiền hát. Tại sảnh lễ tân, P sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 14 Pro màu tím đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0373.924.292, liên hệ qua ứng dụng Messenger bằng tài khoản có tên "Phương M1" đến tài khoản có tên "Lương Hồng Q" được cài đặt sẵn ở trong điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 Pro Max màu trắng đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0961.897.465 của Lương Hồng Q để rủ Q đi hát karaoke thì Q đồng ý. Lúc này, do P2 mệt nên không tham gia hát cùng mọi người nên đi về trước, còn C và C2 đi vào sảnh gặp P và V1 rồi được nhân viên quán hướng dẫn lên phòng hát Hà Nội tại tầng 02 của quán để hát karaoke. Vào phòng, C2 là người bảo Dương Văn V2, sinh năm 2001 ở thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (là nhân viên của quán K) đem bình khí bóng cười lên để mọi người cùng sử dụng, C bảo V2 gọi thêm 02 nữ nhân nhân viên để phục vụ rót bia và hát karaoke cho mọi người. Một lúc sau,

Dương Văn V2 đem 03 bình khí bóng cười và 01 túi xách bóng bay vào phòng, những người có mặt tại đó cùng nhau hát, bơm khí bóng cười vào xác bóng bay rồi cùng nhau sử dụng. Do nghe thấy người nói góp tiền hát cho P nên C2 sử dụng tài khoản V3 của C2 chuyển khoản đến tài khoản TRAN MINH PHUONG, số tài khoản 9373924292 của P số tiền 2.000.000đ, trong đó 1.000.000đ là tiền C2 góp để trả tiền phòng hát và thuê nhân viên, 1.000.000đ C2 nói là của C góp.

Quá trình hát karaoke C nảy sinh ý định mua ma túy ketamine về để sử dụng, nên C gọi điện nhờ Cao Anh C3, sinh năm 1995 ở thôn P, xã T đi đón Đào Thị Tuyết M, sinh năm 1997 ở thôn Y, xã V, huyện V đến quán để hát và sẽ rủ M sử dụng ma túy cùng. Sau đó, C nói với V2 và P *"Làm tý không để anh gọi"*, ý C muốn rủ chơi ma túy kẹo, ma túy ketamine thì V2 và P hiểu nên đều đồng ý, còn C2 đang sử dụng bóng cười, uống nhiều rượu bia nên không biết việc C rủ mọi người sử dụng ma túy. Chính gọi điện, nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Nguyễn Xuân Q1, sinh năm 1999 ở thôn V, xã L, huyện V đang làm nhân viên ở quán L thuộc khu P, xã T để hỏi mua ma túy nhưng không mua được. Lúc này, P nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Q rủ Q lên quán K để hát và cùng nhau sử dụng ma túy. Q điện qua ứng dụng Messenger đến tài khoản Messenger của V2, được cài đặt sẵn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 Pro Max màu xanh để hỏi cụ thể việc mọi người sử dụng ma túy như thế nào, thì P cầm máy V2 nghe. Khi Q hỏi *"Đang ở đâu, có gì không?"*, P trả lời *"Lên đây chơi với anh em"*, Q nói *"Nếu mà đi tao không có đủ tiền đâu"*, thấy vậy P nói lại với Q *"Có bao nhiêu thì đưa đây, thiếu đâu tao bù"*, nghe P nói vậy thì Q đồng ý. Sau đó, P báo lại cho C và V2 biết là Q sẽ lên để sử dụng ma túy cùng, sau này tính tiền mua ma túy thì chia đều cho 04 người là P, C, V2, Q, còn tiền phòng hát và nhân viên thì chia đều cho 05 người gồm P, C, Q, C2, V2.

Sau khi hỏi mua ma tuý của Nguyễn Xuân Q1 không được, C nói lại với V2 và P biết. Sau đó, P gọi điện đến số điện thoại 0353.377.425 của Trần Thế A, sinh năm 1992 trú tại tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V là nhân viên phục vụ của quán XO. Qua điện thoại P nói với với Anh *"Em đang ở trên XO, anh lấy cho em một chỉ và năm viên"*. Thế A hiểu ý P muốn hỏi mua 01 chỉ ma túy ketamine và 05 viên ma túy kẹo nên trả lời *"Ok, đợi tý anh lên quán đã"*, ý của Thế A là để lát nữa Thế A lên quán làm sẽ thống nhất mua bán ma túy với P sau. Sau khi nói chuyện điện thoại với Thế A xong thì P nói với C và V2 *"Ai có tiền thì bắn đi"*, ý của P là ai có tiền thì ứng trước ra để trả trước tiền mua ma túy, sau đó hết bao nhiêu sẽ chia đều cho nhau sau. V2 nghe vậy thì sử dụng điện thoại đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng

V3 chuyển vào tài khoản V4 của P số tiền 1.200.000đ để góp tiền mua ma túy sử dụng.

Một lúc sau, khi Cao A2 C3 chở M đến quán thì C xuống đón M lên phòng hát, còn C3 điều khiển xe về nhà. Khoảng 10 phút thì Lương Hồng Q đến và vào phòng hát cùng mọi người. Tại đây, C, Q1, V2 thông báo với Q cùng nhau góp tiền, mua ma tuý để sử dụng thì Q đồng ý. Khi cả nhóm đang hát thì Trần Thế A đến và gọi P ra ngoài hành lang hỏi *"Vẫn lấy một chỉ, năm viên à"*, P nói *"Anh gọi cho em một chỉ, năm viên"*. Thế A đồng ý và đi đâu đó một lúc rồi quay lại gọi P ra ngoài và đưa cho P 01 túi ma túy ketamine và 05 viên ma túy kẹo. Lúc này Trần Thế A vẫn chưa báo giá tiền bán ma túy cho P mà đợi sau khi P nghỉ hát sẽ tính tiền Phương sau và dự định lấy tiền của P giá là 1.100.000đ/01 chỉ ma túy ketamine, 300.000đ/01 viên ma túy kẹo. Sau khi nhận ma tuý, P cầm vào phòng hát, để túi ma túy ketamine lên bàn và lấy 01 viên ma túy kẹo đưa cho C rồi lấy 01 viên để bản thân sử dụng bằng hình thức uống với nước lọc. Số ma túy kẹo còn lại P để trên bàn để ai muốn sử dụng thì tự đến lấy. Sau khi nhận ma túy kẹo từ P, C bẻ viên ma túy kẹo đó thành hai nửa, một nửa C sử dụng cho bản thân bằng hình thức nuốt trực tiếp vào cơ thể, nửa còn lại C đưa cho M sử dụng cũng bằng hình thức nuốt trực tiếp vào cơ thể. Thấy có ma tuý nên V2 và Q mỗi người đến lấy 01 viên ma túy kẹo và sử dụng hết cho bản thân, V2 sử dụng ma túy kẹo bằng hình thức uống với nước nước lọc, còn Q thì uống với nước Cocacola. Viên ma túy kẹo còn lại do không cẩn thận nên C đã làm rơi viên ma túy kẹo đó xuống nền nhà trong phòng.

Một lúc sau, C ra ngoài để đi vệ sinh thì gặp 02 nữ nhân viên là Vàng Thị T2, sinh ngày 27/5/2007 ở xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai; Sùng Thị S1, sinh năm 2005 ở xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai đang đi đến phòng để phục vụ việc rót bia, bấm bài cho nhóm của C. Tại đây, C hỏi S1 và T2 *"Ai có thẻ không?"*, S1 nghe C nói vậy thì đáp lại *"Em chỉ có thẻ ATM thôi"*, C nói tiếp *"Lấy thẻ xuống"*, S1 hiểu ý C muốn có thẻ ATM để phục vụ việc xào ma túy ketamine nên đã đi lên phòng nghỉ của nhân viên ở tầng 04 lấy 01 thẻ ATM của ngân hàng V4 mang tên "SUNG THI SINH" của mình đem xuống. Tại phòng hát, Q tìm thấy 01 chiếc đĩa sứ tròn màu trắng, 01 chiếc bật lửa gas màu trắng có sẵn ở trong phòng nên đã dùng bật lửa đốt tờ giấy vệ sinh rồi hơ nóng đĩa phục vụ việc xào ma túy ketamine. Sau khi Q đốt nóng đĩa thì P đổ 01 nửa túi ma túy ketamine ra đĩa sứ. Khi thấy S1 đi vào phòng và để lên trên bàn gần chỗ P ngồi 01 thẻ ATM thì P cầm chiếc thẻ ATM và xào ma túy ketamine cho chín để mọi người sử dụng. Trong lúc P đang xào ma túy ketamine thì C có hỏi mọi người trong phòng *"Ai có tiền mặt không"*, Q hiểu ý C hỏi vậy là để lấy tờ tiền sử dụng

cuốn thành ống hút cho mọi người sử dụng ma túy ketamine nên nói lại *"Em có đây"* và lấy từ trong túi quần bên phải phía trước Q đang mặc ra 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng đưa cho C. C cầm tờ tiền Quân đưa rồi đưa cho S1 và nói *"Cuốn đi"*. Sinh hiểu ý C bảo Sinh cuốn tờ tiền 10.000đ trên thành ống hút để cho mọi người sử dụng ma túy ketamine nên đồng ý và cuộn tờ tiền thành ống hút rồi cố định bằng 03 vỏ đầu lọc điếu thuốc lá. Sau khi cuốn xong, S1 để lên bàn gần nơi P đang xào ma túy.

Sau khi xào ma túy ketamine xong, P dùng thẻ ATM kẻ 04 đường rồi để chiếc đĩa sứ chứa ma túy ketamine lên trên bàn cho ai có nhu cầu thì đến sử dụng. Thấy vậy Vàng Thị T2 đi đến sử dụng hết 03 đường kẻ ma túy ketamine bằng hình thức dùng ống hút hít trực tiếp vào cơ thể. Tiếp đó lần lượt các đối tượng tự đi đến vị trí để đĩa ma tuý, tự kẻ các đường ma tuý để sử dụng, cụ thể: Sinh sử dụng 02 đường ma túy ketamine, C sử dụng 02 đường ma túy ketamine, M sử dụng 02 đường ma túy ketamine, Q sử dụng 01 đường ma túy ketamine, V2 sử dụng 02 đường ma túy ketamine, P sử dụng 01 đường ma túy ketamine (lúc này trên đĩa vẫn còn ma túy ketamine đã được P xào sẵn nhưng chưa sử dụng hết). Trong lúc các đối tượng chuẩn bị công cụ phương tiện và sử dụng trái phép chất ma tuý thì Lê Chí C2 do sử dụng nhiều rượu bia, hút nhiều thuốc lá và bóng cười nên đã tựa lưng vào ghế để nghỉ và nghe nhạc sau đó ngủ thiếp đi nên C2 không biết và không tham gia sử dụng ma tuý.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang ngồi nghe nhạc, hát karaoke, sử dụng ma túy thì Công an huyện V đến kiểm tra, phát hiện các đối tượng có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- Thu trên mặt bàn kê ở vị trí đối diện tivi trong phòng hát Hà Nội: 01 đĩa sứ màu trắng, trên mặt đĩa có các hạt tinh thể màu trắng, các hạt tinh thể này được thu lại, cho vào trong 01 túi nilon không màu, miệng túi có mép vuốt được niêm phong trong 01 phong bì thư theo quy định pháp luật, ký hiệu A1. Chiếc đĩa sứ màu trắng nêu trên có bám dính các hạt tinh thể màu trắng được niêm phong trong 01 hộp bìa cát tông theo quy định pháp luật, ký hiệu A2; 01 thẻ nhựa loại thẻ ngân hàng V4 một mặt ghi tên chủ sở hữu "SUNG THI SINH" có bám dính các hạt tinh thể màu trắng được niêm phong trong 01 phong bì thư theo quy định pháp luật, ký hiệu A3; 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ được giữ cố định bằng 03 vỏ đầu lọc điếu thuốc lá, mặt trong của ống hút có bám dính các hạt tinh thể màu trắng được niêm phong trong 01 phong bì thư theo quy định pháp luật, ký hiệu A4; 01 túi nilon màu xanh có mép vuốt màu xanh bên trong túi bám dính các hạt tinh thể màu

trắng được niêm phong trong 01 phong bì thư theo quy định pháp luật, ký hiệu A5; 02 bật lửa gas màu trắng.

- Thu trên nền nhà 01 viên nén màu xanh, nghi là ma túy kẹo được niêm phong trong 01 phong bì thư theo quy định pháp luật, ký hiệu A6.

- T4 tại nền nhà gần vị trí màn hình tivi trong phòng 03 bình khí bằng kim loại, bên ngoài sơn màu xanh chứa khí N_2O.

- Thu trên nền nhà 04 xác bóng bay màu trắng đục đã qua sử dụng.

- Thu trên mặt bàn kê ở đối diện tivi trong phòng 10 xác bóng bay màu trắng đục còn mới, chưa qua sử dụng.

- Tạm giữ của Lương Hồng Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 Pro Max màu trắng đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0961.897.465. Tạm giữ của Trần Minh P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 14 Pro Max màu tím đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0373.924.292. Tạm giữ của Lê Chí C2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi loại K40 màu đen đã cũ bên trong lắp 02 sim thuê bao 0965.868.363 và 0976.155.596. Tạm giữ của Cao Văn V1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 Pro Max màu xanh đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0966.080.061.Tạm giữ của Lê Đức C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A3s màu đỏ đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0971.148.138.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở Quán K, xã T, huyện V: kết quả không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 01/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 05 gửi đến Phòng K1 - Công an tỉnh V để giám định xác định khối lượng và loại ma túy trong mẫu vật ký hiệu A1, A6; giám định mẫu vật ký hiệu A2, A3, A4, A5 thu giữ được gửi đến Phòng K1 - Công an tỉnh V để giám định xác định mẫu vật gửi giám định có bám dính chất ma túy không, nếu có thì là loại ma túy gì, khối lượng của chất ma túy bám dính là bao nhiêu?

Ngày 04/01/2024, Phòng K1 - Công an tỉnh V có bản kết luận giám định số 50, xác định:

Chất bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine có khối lượng 0,2585g (Không phẩy hai năm tám năm gam, không kể bao bì).

01 (Một) viên nén màu xanh của mẫu ký hiệu A6 gửi giám định là ma túy, loại MDMA có khối lượng 0,3806g (Không phẩy ba tám không sáu gam, không kể bao bì).

Chất bám dính màu trắng trên các mẫu ký hiệu A2, A3, A4 và A5 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Không xác định được khối lượng do tồn tại ở dạng vết.

Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 40 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục I, mục 1B STT 11 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Ngày 01/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V phối hợp cùng Trạm y tế thị trấn V tiến hành test nhanh ma tuý đối với các đối tượng có mặt tại phòng hát Hà Nội quán K. Kết quả: Trần Minh P, Lương Hồng Q, Lê Đức C, Cao Văn V1, Đào Thị Tuyết M dương tính với chất ma túy MDMA và Ketamine. Sùng Thị S1, Vàng Thị T2 dương tính với chất ma túy Ketamine. Lê Chí C2, Trần Thế A âm tính với các chất ma túy.

Cơ quan điều tra đã thu mẫu nước tiểu của: Lương Hồng Q, niêm phong ký hiệu M1; Trần Minh P, niêm phong ký hiệu M2; Lê Chí C2 niêm phong ký hiệu M3; Cao Văn V1 niêm phong ký hiệu M4; Lê Đức C niêm phong ký hiệu M5; Vàng Thị T2 niêm phong ký hiệu M6; Sùng Thị S1 niêm phong ký hiệu M7; Đào Thị Tuyết M niêm phong ký hiệu M8 để phục vụ giám định.

Ngày 01/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13 gửi Phòng K1 - Công an tỉnh V để giám định xác định xem trong mẫu nước tiểu của Lương Hồng Q, Trần Minh P, Lê Chí C2, Cao Văn V1, Lê Đức C, Vàng Thị T2, Sùng Thị S1, Đào Thị Tuyết M có chất ma túy không, nếu có thì là loại ma túy gì.

Ngày 04/01/2024, Phòng K1 - Công an tỉnh V có Bản kết luận giám định số 51, xác định:

Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu thu của Lương Hồng Q, SN: 1998, trú tại: TDP H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc ký hiệu M1 gửi đến giám định.

Ngày 05/01/2024, Phòng K1 - Công an tỉnh V có Bản kết luận giám định số 57, 58, lần lượt xác định:

Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu thu của Trần Minh P, SN: 1999, trú tại: Thôn P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc ký hiệu M2 gửi đến giám định.

Không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Morphin, H5, Methamphetamine, MDMA, Ketamine, 2C-B và TFMPP) trong mẫu mẫu nước tiểu thu của Lê Chí C2, SN: 1996, trú tại: Thôn P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc ký hiệu M3 gửi đến giám định.

Ngày 09/01/2024, Phòng K1 - Công an tỉnh V có Bản kết luận giám định số 83, 84, 85, 86, 87 lần lượt xác định:

Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu thu của Cao Văn V1, SN: 1998, trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc ký hiệu M4 gửi đến giám định..

Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu thu của Lê Đức C, SN: 1996, trú tại: Thôn X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc ký hiệu M5 gửi đến giám định.

Tìm thấy chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu thu của Vàng Thị T2, SN: 2007, trú tại: Xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai ký hiệu M6 gửi đến giám định.

Tìm thấy chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu thu của Sùng Thị S1, SN: 2005, trú tại: Xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai ký hiệu M7 gửi đến giám định.

Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu thu của Đào Thị Tuyết M, SN: 1997, trú tại: Thôn Y, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc ký hiệu M8 gửi đến giám định.

H6 lại đối tượng còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm: 0,00ml và toàn bộ bao gói được niêm phong.

Cơ quan điều tra đã thông báo các Kết luận nêu trên cho *Lương Hồng Q*, *Trần Minh P*, *Lê Chí C2*, *Cao Văn V1*, *Lê Đức C*, *Vàng Thị T2*, *Sùng Thị S1*, *Đào Thị Tuyết M*. Các đối tượng không có ý kiến thắc mắc gì.

Ngày 28/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 111 phong tỏa số tiền 6.635.720 đồng trong tài khoản số 9373924292 mở tại Ngân hàng N - Chi nhánh V5 của Trần Minh P.

Về nguồn gốc số ma túy Trần Thế A đã bán cho Trần Minh P, Trần Thế A khai nhận: Sau khi Trần Minh P hỏi mua ma tuý, do biết tại khu P có 01 nam thanh niên tên V, khoảng hơn 20 tuổi (Thế A không biết cụ thể tên, tuổi, địa chỉ của người này ở đâu) có bán ma túy và muốn kiếm lời từ việc bán ma túy cho P nên Thế A đã đồng ý. Thế A gọi đến số thuê bao 0877.156.205 của V để hỏi mua của V 01 chỉ ma túy ketamine và 05 viên ma túy kẹo, V đồng ý bán với giá 1.000.000đ/01 chỉ ma túy ketamine, 300.000đ/01 viên ma túy kẹo và hẹn đến khu vực trước của quán L ở thôn Đ, xã T, huyện V để giao dịch. Sau đó Thế A đi bộ ra trước cửa quán L thì thấy V đang đi bộ đến gặp và đưa cho Thế A 01 chỉ ma túy ketamine được để trong túi nilon

màu xanh, còn 05 viên ma túy kẹo để trong túi nilon màu trắng. Do chưa thu được tiền của P nên Thế A chưa trả tiền cho V mà hẹn khi nào khách thanh toán thì sẽ trả tiền mua ma túy cho V sau.

Tại cơ quan điều tra, Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 và Trần Thế A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 62/CT-VKSVT ngày 22/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố các bị cáo Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Trần Thế A về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Trần Thế A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Đức C từ 07 năm 09 tháng tù đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01/01/2024;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Minh P từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01/01/2024;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lương Hồng Q từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01/01/2024

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Cao Văn V1 từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01/01/2024;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Sùng Thị Sinh t 07 năm tù đến 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/01/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thế A từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01/01/2024

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng vì các bị cáo không có tài sản, thu nhập. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và không có lời bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 31/12/2023, Lê Đức C, Trần Minh P, Cao Văn V1 và Lê Chí C2 rủ nhau đến quán K thuộc Khu P, thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để hát và được bố trí vào phòng hát Hà Nội tại tầng hai của quán. Trước khi hát, cả nhóm thống nhất gọi thêm 2 nhân viên phục vụ việc rót bia, bấm bài. Khoảng 30 phút sau, do Lê Chí C2 uống nhiều rượu bia, sử dụng bóng cười nên ngồi tựa vào ghế, ngủ thiếp đi. Lúc này C nảy sinh ý định sử dụng trái phép chất ma tuý nên rủ P và V1 cùng mua ma túy về để sử dụng thì cả hai đồng ý. Sau đó C rủ Đào Thị Tuyết M, P rủ Lương Hồng Q đến hát và sử dụng ma túy. Tại phòng hát, C, P, V1 và Q thống nhất tiền hát sẽ chia đều cho 5 người gồm C, P, V1, Q và C2, còn tiền mua ma túy thì do C, P, V1, Q đóng góp. Sau đó P liên hệ và mua được 01 chỉ ma túy Ketamine và 05 viên ma túy MDMA dạng kẹo của Trần Thế A với giá 2.600.000đ. Sau khi mua được ma túy, P để túi ma túy Ketamine trên bàn và lấy 01 viên ma túy kẹo đưa cho C sử dụng và bản thân sử dụng 01 viên bằng hình thức uống với nước lọc; Chính bẻ viên ma túy kẹo do P đưa làm hai nửa một nửa C sử dụng, một nửa đưa cho M sử dụng; V1 và Q mỗi người lấy một viên ma túy kẹo và sử dụng hết.

Quá trình hát và sử dụng ma túy C đi ra ngoài đi vệ sinh thì gặp Vàng Thị T2 và Sùng Thị S1 đang đi đến phòng hát để phục vụ việc rót bia, bấm bài nên C bảo S1 lấy thẻ ATM để xào ma túy Ketamine thì S1 đồng ý và quay lên tầng 4 của quán lấy thẻ đem vào phòng hát để ở gần vị tri P ngồi. Tại phòng hát, Q lấy 01 chiếc đĩa sứ, 01 bật lửa gas có sẵn trong phòng đốt giấy vệ sinh rồi hơ nóng đĩa sứ để phục vụ việc xào ma túy Ketamine rồi P đổ 01 nửa túi ma túy ketamine ra đĩa sứ, sử dụng thẻ ATM của S1 để xào ma túy. Chính cầm tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đ của Q đưa rồi bảo S1 cuốn thành ống hút để làm công cụ sử dụng ma túy. Sinh cuốn tờ tiền thành ống hút, cố định bằng 3 vỏ đầu lọc điếu thuốc lá. Sau khi xào ma túy ketamine xong thì P kẻ thành 04 đường rồi để chiếc đĩa sứ chứa ma túy ketamine lên trên bàn cho ai có nhu cầu thì đến sử dụng. Sau đó, Vàng Thị T2, Sùng Thị S1, Lê Đức C, Đào Thị Tuyết M, Lương Hồng Q, Trần Minh P lần lượt sử dụng ma túy ketamine bằng cách dùng ống hút hít vào cơ thể. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày Công an huyện V đến kiểm tra phát hiện. Tang vật thu giữ: 10 đĩa sứ màu trắng, trên mặt đĩa có các hạt tinh thể màu trắng; 01 thẻ nhựa loại thẻ ngân hàng V4 có bám dính các hạt tinh thể màu trắng; 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ; 01 túi nilon màu xanh có mép vuốt màu xanh bên trong túi bám dính các hạt tinh thể màu; 02 bật lửa gas màu trắng; 01 viên nén màu xanh; 03 bình khí bằng kim loại, bên ngoài sơn màu xanh chứa khí N_2O; 04 xác bóng bay màu trắng đục đã qua sử dụng; 10 xác bóng bay màu trắng đục còn mới, chưa qua sử dụng; tạm giữ của các đối tượng 05 chiếc điện thoại di động các loại bên trong có sim thuê bao.

Hành vi tổ chức cho Đào Thị Tuyết M và Vàng Thị T2, sinh ngày 27/5/2007 (mới 16 tuổi 7 tháng 93 ngày) sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 như đã nêu trên đã phạm vào tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Điểm b, c, Khoản 2, Điều 255 Bộ luật hình sự, quy định:

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:...

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi....".

Hành vi bán trái phép chất ma túy của Trần Thế A cho Trần Minh P đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: "1. *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm".*

Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố các bị cáo Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Trần Thế A về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vị trí, vai trò của từng bị cáo:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 và Trần Thế A đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Trần Minh P là người có nhân thân xấu: Ngày 22/6/2015 bị Công an huyện V xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích theo quyết định số 90/QĐ-XPVPHC đến nay đã được xóa tiền sự. Bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo, do vậy cần phải xử phạt bị cáo Trần Minh P một mức án thật nghiêm khắc, có như vậy mới đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, biết chấp hành pháp luật.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 và Trần Thế A đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là thành khẩn khai báo; bị cáo Lê Đức C đã từng tham gia quân ngũ năm 2019 tại Tiểu đoàn 19 - BTM quân khu B1, có ông nội là Lê Văn H7 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và Huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo Lương Hồng Q đã từng tham gia quân ngũ, có chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo tiểu đội trưởng thông tin VTĐ của trường Q2, có nông nội là Lương Hồng T5 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương giải phóng hạng ba mặt trận tổ quốc, Huân chương niên hạn hạng ba

của Chính phủ. Do vậy các bị cáo Lê Đức C và Lương Hồng Q đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt. Bị cáo Sùng Thị S1 là phụ nữ đang nuôi con nhỏ, là người dân tộc Mông nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, tuy nhiên bị cáo Sùng Thị S1 từ chối người trợ giúp pháp lý nên Hội đồng xét xử không chỉ định người trợ giúp pháp lý cho bị cáo S1. Do bị cáo S1 là đồng phạm tham gia với vai trò thứ yếu trong vụ án nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

[3.3] Về vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm, trong đó Lê Đức C là người khởi xướng, góp tiền mua ma túy rủ M đến sử dụng ma túy ketamine, bảo S1 lấy thẻ ATM để xào ma túy nên C phải chịu trách nhiệm với vai trò cao nhất. Trần Minh P là người góp tiền và trực tiếp liên hệ với Trần Thế A mua ma túy, xào ma túy để mọi người sử dụng nên P phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai. Lương Hồng Q và Cao Văn V1 là đồng phạm tích cực nên phải chịu mức hình phạt như nhau; Sùng Thị S1 tham gia với vai trò giúp sức, tuy nhiên do là phụ nữ đang nuôi con nhỏ và là người dân tộc nên Hội đồng xét xử cho bị cáo S1 được hưởng sự khoan hồng của pháp luật với mức án thấp nhất của khung hình phạt. Về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản, thu nhập vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về các vấn đề khác: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an xã T tiến hành rà soát, xác minh nhưng chưa xác định được người đã bán ma túy cho Trần Thế A là ai, ở đâu. Cơ quan điều tra xác minh xác định chủ số thuê bao 0877.156.205 mà Thế A đã gọi để mua ma túy là anh Trần Văn T6, sinh năm 1993, trú tại xã V, huyện T, Nam Định. Quá trình làm việc, anh T6 trình bày: Số điện thoại trên là của anh, đăng ý chính chủ để bản thân anh T6 sử dụng. Khoảng tháng 6/2023, trong một lần đi chơi anh T6 đã làm rơi mất chiếc điện thoại có gắn sim thuê bao nêu trên, kể từ đó đến nay do bận công việc nên anh T6 chưa có thời gian đi làm lại sim. Đến nay anh T6 không còn sử dụng chiếc sim thuê bao trên và cũng không biết ai là người đã sử dụng chiếc sim thuê bao trên của mình. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Đào Thị Tuyết M và Vàng Thị T2 được C, P, Q, V1, S1 tổ chức cho sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát Hà Nội quán XO ngày 31/12/2023, quá trình điều tra xác định M và T2 không tham gia, không giúp sức, không liên quan gì đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của những bị can nêu trên. Cơ quan điều tra đã chuyển Công an huyện V để đề nghị UBND tỉnh V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy đối với M và T2 theo quy định pháp luật là phù hợp.

Đối với Lê Chí C2, xác định ngày 31/12/2023 C2 có bàn bạc, thoả thuận và góp tiền cùng C, P, V1, Q để thuê phòng hát, thuê nhân viên phục vụ tại phòng Hà Nội quán K. Đến khi các đối tượng rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng thì C2 không biết, không tham gia, không góp tiền cùng. Tại phòng hát do C2 sử dụng nhiều rượu bia, hút nhiều thuốc lá và bóng cười nên đã tựa lưng vào ghế để nghỉ và nghe nhạc sau đó ngủ thiếp đi. Khi các đối tượng trong phòng hát sử dụng trái phép chất ma túy thì C2 không biết và không tham gia sử dụng. Kết quả test nhanh ma tuý và giám định nước tiểu cũng thể hiện C2 âm tính với ma tuý. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý mà chỉ giáo dục, nhắc nhở đối với C2 là phù hợp.

Đối với anh Cao A2 C4 là chủ quán K không biết việc các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không liên quan gì. Tuy nhiên, quá trình kinh doanh, quản lý quán K thì anh C4 đã có những hành vi vi phạm: Hoạt động kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự khi chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; Người được giao quản lý cơ sở hoạt động kinh doanh karaoke để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong cơ sở do mình quản lý; Sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc bị cấm hoặc làm việc tại nơi làm việc bị cấm; Kinh doanh hóa chất bị hạn chế mà không có Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. Cơ quan điều tra đã chuyển Công an huyện V để đề nghị UBND tỉnh V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh C4 về những hành vi trên theo quy định pháp luật là phù hợp.

Đối với Dương Văn V2 là nhân viên quán K không biết, không giúp sức, không liên quan gì đến việc các đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý tại phòng hát Hà Nội vào ngày 31/12/2023. Khi V2 đem khí N2O vào cho các đối tượng sử dụng là do C4 phân công, V2 không biết C4 có giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất hạn chế, nên CQĐT không đề cập xử lý đối với V2 là phù hợp.

[8]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 Pro Max màu trắng đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0961.897.465 thu giữ của Lương Hồng Q. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Lương Hồng Á, sinh năm 1975 ở TDP H, TT V, huyện V (là bố đẻ của Q). Vào khoảng đầu tháng 10/2023, do không có nhu cầu sử dụng đến chiếc điện thoại trên nên ông Á đã cho Q mượn để sử dụng với mục đích dùng để nghe gọi, liên lạc bạn bè, gia đình. Sau khi mượn điện thoại thì Q đã lắp sim thuê bao 0961.897.465 của Q vào máy để sử dụng. Việc Q sử dụng điện thoại để liên hệ bàn bạc thống nhất việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 31/12/2023 thì ông Á hoàn toàn không biết, không liên quan gì. Ngày 19/3/2024 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Á chiếc điện thoại trên là phù hợp. Riêng sim thuê bao trên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 14 Pro Max màu tím đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0373.924.292 thu giữ của Trần Minh P, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Trần Tiến H8, sinh năm 1993 ở Thôn P, xã T, huyện V (là anh trai của P). Vào khoảng đầu tháng 11/2023, do P không có điện thoại để sử dụng nên anh H8 đã cho P mượn để sử dụng với mục đích để P có phương tiện liên lạc với gia đình, bạn bè. Sau khi mượn điện thoại thì P đã lắp sim thuê bao 0373.924.292 của P vào máy để sử dụng. Việc P sử dụng điện thoại để liên hệ mua ma túy về để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 31/12/2023 thì anh H8 hoàn toàn không biết, không liên quan gì. Ngày 19/3/2024 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H8 chiếc điện thoại trên là phù hợp. Riêng sim thuê bao trên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi loại K40 màu đen đã cũ bên trong lắp 02 sim thuê bao 0965.868.363 và 0976.155.596 của C2, C2 không sử dụng để vi phạm pháp luật gì. Ngày 19/3/2024 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại và 02 sim thuê bao trên cho C2 là phù hợp.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 Pro Max màu xanh đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0966.080.061 thu giữ của Cao Văn V1. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động trên là của chị Cao Thị T7, sinh năm 1989 ở thôn P, xã T, huyện V (là chị gái của V1). Vào khoảng giữa tháng 12/2023, do không có nhu cầu sử dụng đến chiếc điện thoại trên nên chị T7 đã cho V1 mượn để sử dụng với mục đích dùng để nghe gọi, liên lạc bạn bè, gia đình, sau khi mượn điện thoại thì V1 đã lắp sim thuê bao 0966.080.061 của V1 vào máy để sử dụng. Việc V1 sử dụng điện thoại để chuyển khoản, góp tiền mua ma túy vào ngày 31/12/2023 thì chị T7 hoàn toàn không biết, không liên quan gì. Ngày 19/3/2024,

Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T7 chiếc điện thoại trên là phù hợp. Riêng sim thuê bao trên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A3s màu đỏ đã cũ bên trong lắp sim thuê bao 0971.148.138 của Lê Đức C, C đã sử dụng chiếc điện thoại trên để rủ M đến quán K sử dụng ma túy, liên hệ để hỏi mua ma túy về sử dụng. Do vậy, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại và tiêu hủy đối với sim thuê bao trên.

- Đối với 02 bật lửa gas màu trắng thu giữ trong phòng hát Hà Nội quán karaoke XO, là dụng cụ mà các đối tượng đã dùng để sử dụng và tổ chức dụng trái phép chất ma túy vào ngày 31/12/2023 nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 03 bình khí kim loại chứa khí N_2O, 04 xác bóng bay màu trắng đục đã qua sử dụng và 10 xác bóng bay màu trắng đục còn mới, chưa qua sử dụng thu giữ trong phòng hát Hà Nội quán K, là tài sản của anh Cao Anh C5. Ngày 31/12/2023, anh C5 có hành vi vi phạm hành chính kinh doanh khí bóng cười khi chưa được cơ quan chức năng cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp và đã bị UBND tỉnh V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với mẫu vật và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn trả sau giám định, gồm: A1=0,2299gam; A6 = 0,3480gam; A2=0; 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 26cm; A3 =0; 01 thẻ nhựa loại thẻ ngân hàng V4 màu xanh trắng, số hiệu "9704368627380969018" mang tên "SUNG THI SINH"; A4 = 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đ và 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; A5 = 01 túi nilon màu xanh có kích thước (2,5x2,5)cm; mẫu vật và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn trả sau giám định của các mẫu giám định M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 cùng toàn bộ bao gói được niêm phong theo quy định cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật nhưng riêng đối với ống hút được cuộn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với tổng số tiền 6.635.720 đồng trong tài khoản ngân hàng của Trần Minh P đã bị phong tỏa, xác định trong đó có 1.200.000đ là do V1 chuyển cho P, số tiền 1.000.000đ C2 chuyển cho P (C2 chuyển hộ Chính). Đây là số tiền V1 và C góp trả tiền phòng hát, tiền thuê nhân viên và tiền mua ma túy về tổ chức sử dụng. Tại phiên toà P thừa nhận có thoả thuận góp tiền để mua ma tuý sử dụng chung nên cần truy thu của P số tiền 1.000.000đồng. Do vậy, cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với số tiền 3.200.000đ (Trong đó của P 1.000.000đồng, C 1.000.000đồng và V1

1.200.000đồng). Số tiền 3.435.720 đồng còn lại đề nghị trả lại cho P nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Trần Thế A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Về điều luật áp dụng và hình phạt chính:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đức C 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/01/2024;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/01/2024;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Hồng Q 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/01/2024;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn V1 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/01/2024;

Xử phạt bị cáo Sùng Thị S1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/01/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thế A 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/01/2024.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A3s màu đỏ đã cũ của Lê Đức C;

- Tịch thu tiêu hủy sim thuê bao 0961.897.465 của Q, sim thuê bao 0373.924.292 của P, sim thuê bao 0966.080.061 của V1, sim thuê bao 0971.148.138 của Lê Đức C, 02 bật lửa gas màu trắng, 03 bình khí kim loại chứa khí N_2O, 04 xác bóng bay màu trắng đục đã qua sử dụng và 10 xác bóng bay màu trắng đục còn mới, chưa qua sử dụng của anh Cao Anh C5

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn trả sau giám định, gồm: 01 phong bì được niêm phong một mặt ghi Mẫu trả gồm A6: m = 0,3480gam; A1: m = 0,2299gam; A3: 01 thẻ nhựa V4 màu xanh trắng mang tên "SUNG THI SINH"; A4: 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; A5: 01 túi nilon màu xanh có kích thước (2,5x2,5)cm cùng toàn bộ bao gói;

Tịch thu, tiêu huỷ 01 thùng cát ton được niêm phong, một mặt ghi A2; 08 mẫu vật gửi giám định có niêm phong ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 đã được niêm phong; 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 26cm;

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đồng;

- Truy thu số tiền 3.200.000 đồng của Trần Minh P để sung vào Ngân sách Nhà nước (được trích từ tài khoản số 9373924292 tại ngân hàng TMCP N - Chi nhánh V5 đứng tên Trần Minh P đang bị phong toả). Trả lại cho Trần Minh P số tiền còn lại 3.435.720 đồng trong tài khoản số 9373924292 tại ngân hàng TMCP N - Chi nhánh V5 đứng tên Trần Minh P nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Đức C, Trần Minh P, Lương Hồng Q, Cao Văn V1, Sùng Thị S1 và bị cáo Trần Thế A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Tường;
- Phòng Thi hành án HS CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Phòng HS nghiệp vụ công an Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã T, Thị trấn V;;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải